TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 02 – 2026.
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Pha.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Anh.
2. Ông Võ Tấn Sĩ.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Bích Ngân – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1991.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1986.

Cùng nơi cư trú: thôn A, xã X, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2026 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2009. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, kình cãi, xúc phạm nhau, đã sống ly thân cả năm. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 03 con chung, tên: Nguyễn Quốc L1, sinh ngày 18/3/2008, Nguyễn Thị Bích L2, sinh ngày 20/7/2011 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 03/02/2017. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 10/01/2026 (BL 25), bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: ông L và bà Thừa tự N tìm hiểu, yêu thương và kết hôn với nhau năm 2009. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn. Nay bà T xin ly hôn với ông L thì ông L hoàn toàn đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung, tên: Nguyễn Quốc L1, sinh ngày 18/3/2008, Nguyễn Thị Bích L2, sinh ngày 20/7/2011 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 03/02/2017. Ly hôn, ông L đồng ý giao cả 03 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn, bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị T đối với ông Nguyễn Văn L. Về con chung: giao các cháu Nguyễn Quốc L1, sinh ngày 18/3/2008, Nguyễn Thị Bích L2, sinh ngày 20/7/2011 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 03/02/2017 cho bà T nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: bà T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với ông L. Bị đơn ông Nguyễn Văn L cư trú tại thôn A, xã X, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ

khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt và không tiến hành hoà giải (BL25, BL27). HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L thống nhất tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2009 ngày 20/02/2009 (BL 07), đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông L thống nhất ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông L thống nhất có 03 con chung tên: Nguyễn Quốc L1, sinh ngày 18/3/2008, Nguyễn Thị Bích L2, sinh ngày 20/7/2011 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 03/02/2017.

Xét thấy, bà T và ông L thống nhất thỏa thuận giao các con chung cho bà T nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu L1, cháu L2, cháu Q đều trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với bà T. Xét thoả thuận này là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị T đối với ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Quốc L1, sinh ngày 18/3/2008, Nguyễn Thị Bích L2, sinh ngày 20/7/2011 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày

03/02/2017 cho bà T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí bà T nộp trước tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000153 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk (1)
- VKSND khu vực 14 – Đắk Lắk (2)
- Phòng THADS khu vực 14 – Đắk Lắk (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Pha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Ngọc Anh	**Võ Tấn Sĩ**	**Nguyễn Anh Pha**